

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 351/2020/DS - PT  
Ngày: 21 – 12 - 2020  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Ngọc Dũng  
*Các Thẩm phán:* Ông Lê Minh Đạt  
Bà Hồ Thị Thanh Thúy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 320/2020/TLPT- DS ngày 11 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2020/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 268/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Bạch Đ, sinh năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị Mai P, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện Đ, tỉnh Bến Tre

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Võ Minh D, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 108, ấp T, xã H, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Phạm Thị Bạch Đ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Phạm Thị Bạch Đ trình bày:*

Vào ngày 01/01/2017 bà có cho chị P mượn số tiền 100.000.000 đồng.

Vào ngày 04/5/2020 mượn số tiền 250.000.000 đồng để đáo nợ Ngân hàng, mượn trong vòng 1 tháng nhưng chị P cũng không trả. Đối với hai khoản tiền này bà không có làm giấy tờ chỉ liên lạc qua tin nhắn điện thoại.

Ngày 28/5/2020 chị P tiếp tục nhắn tin mượn số tiền 250.000.000.000 đồng; hẹn trong vòng 01 tuần sẽ trả số tiền này; số tiền này bà chuyển khoản qua Ngân hàng.

Tổng cộng 03 lần mượn chị P còn nợ bà số tiền là 600.000.000 đồng.

Đến hạn trả nợ thì chị P cứ hẹn lần hẹn lữa không trả nợ cho bà, bà có liên hệ với cơ quan chỗ chị P làm là Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ và biết chị P không còn làm ở đó nữa.

Nay bà yêu cầu chị P và chồng là anh Võ Minh D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số nợ 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng); không yêu cầu tính lãi suất.

Khi bà cho vay là đưa tiền trực tiếp cho chị P; nhưng khi vay là chị P nói để đáo nợ Ngân hàng, và thời điểm vay chị P và anh D là vợ chồng.

*Bị đơn bà Phạm Thị Mai P trình bày như sau:*

Chị có vay của bà Phạm Thị Bạch Đ số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) với mức lãi vay là 100 triệu/ 6.000.000 đồng tiền lãi/tháng. Cụ thể các lần vay như sau:

Ngày 01/01/2017 vay 100.000.000 đồng;

Ngày 04/5/2020 vay 250.000.000 đồng;

Ngày 28/5/2020 vay 250.000.000 đồng;

Khi vay hai bên không có làm giấy tờ chỉ thỏa thuận miệng, có khoản tiền chuyển khoản, và tiền lãi chị đóng cho bà Đ cũng chuyển khoản qua Ngân hàng Nông Nghiệp;

Ngày 25/6/2020 chị không còn khả năng thanh toán nợ và lãi cho bà Đ.

Khi vay của bà Đ chồng chị là anh Võ Minh D không hề biết và việc vay này cũng không liên quan đến chồng chị.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của bà Đ yêu cầu chị và anh D trả số nợ 600.000.000 đồng chị đồng ý trả số tiền trên một mình chị, anh D không liên quan đến số tiền này.

Khi chị vay nợ là do làm ăn thua lỗ, vay bên ngoài với lãi suất cao nên vay nợ để trả khoản vay bên ngoài.

Chị và anh D cưới nhau vào tháng 8/2017 vợ chồng có đăng ký kết hôn tại xã T. Đối với số tiền chị vay của bà Đ thì anh D không biết. Hiện tại chị đang sinh

sống tại xã P cùng mẹ ruột, nhưng đăng ký hộ khẩu tại ấp 3, xã T; hiện tại vợ chồng không có sống chung nhà; tiền ai nấy xài.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Minh D trình bày:*

Anh hoàn toàn không biết về số nợ của chị Phạm Thị Mai P vay của bà Phạm Thị Bạch Đ; anh không ký giấy nhận nợ, không nhận tiền và không sử dụng số tiền vay đó. Do đó anh không đồng ý liên đới cùng chị P trả nợ cho bà Đ.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2020/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bến Tre quyết định:*

Áp dụng các Điều 288, 353, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 68, 91, 92, 147, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bạch Đ đối với chị Phạm Thị Mai P.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bạch Đ về việc yêu cầu anh Võ Minh D liên đới cùng chị Phạm Thị Mai P trả số tiền 600.000.000 đồng.

3. Buộc chị Phạm Thị Mai P phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Bạch Đ số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ do chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/9/2020, nguyên đơn bà Phạm Thị Bạch Đ kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm buộc chị P và anh D phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà số tiền là 600.000.000 đồng.

Ngày 09/10/2020, nguyên đơn bà Phạm Thị Bạch Đ có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án, với lý do bà Phạm Thị Mai P có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xin rút lại đơn xin rút yêu cầu khởi kiện, với lý do là bà có gửi đơn gửi qua Công an đề nghị giải quyết về hình sự nhưng Công an không nhận hồ sơ, do đó bà giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị buộc anh D phải liên đới trách nhiệm với chị P trả số nợ 600.000.000 đồng, bị đơn không đồng ý với nội dung kháng cáo của nguyên đơn, các bên đương sự không tự thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án.

*Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn bà Phạm Thị Bạch Đ yêu cầu bị đơn chị Phạm Thị Mai P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Minh D liên đới trả cho bà Đ số nợ vay là 600.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Chị P thừa nhận có nợ bà Đ 600.000.000 đồng và đồng ý trả một mình cho bà Đ, không đồng ý trách nhiệm liên đới với anh D vì anh D không có liên quan gì đến số nợ của chị với bà Đ.

[2] Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là các tin nhắn zalo giữa bà Đ và chị P và giấy chuyển khoản qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 28/5/2020, qua các chứng cứ này chị P đều thừa nhận còn nợ bà Đ số tiền 600.000.000 đồng, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ yêu cầu chị P trả số tiền là 600.000.000 đồng và ghi nhận bà Đ không yêu cầu tính lãi trên số tiền chị P vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn, yêu cầu buộc trách nhiệm liên đới trả nợ của anh D đối với số nợ của chị P:

Tại khoản 2 Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 có quy định, vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Nhận thấy, mặc dù thời điểm vay nợ chị P và anh D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, nhưng giao dịch vay tiền của bà Đ và chị P đều không có làm giấy tờ, khi đưa tiền cũng không có lần nào bà Đ đưa cho anh D và anh D cũng không ký bất kỳ văn bản xác nhận nợ nào với bà Đ. Hơn nữa, chị P cho rằng chị vay nhằm mục đích riêng, trả nợ cho người khác và không đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình và chị đồng ý trả một mình, đồng thời anh D cũng không thừa nhận, không đồng ý liên đới trả nợ với chị P. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Đ phải chịu án phí là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Bạch Đ.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2020/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 288, 353, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 68, 91, 92, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bạch Đ đối với chị Phạm Thị Mai P

Buộc chị Phạm Thị Mai P có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Bạch Đ số tiền 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bạch Đ về việc yêu cầu anh Võ Minh D liên đới cùng chị Phạm Thị Mai P trả số tiền 600.000.000 đồng.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.*

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phạm Thị Mai P phải chịu án phí là 28.000.000 (Hai mươi tám triệu) đồng.

Bà Phạm Thị Bạch Đ không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho bà Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000811 ngày 04/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Phạm Thị Bạch Đ phải chịu số tiền án phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng

án phí số 0001868 ngày 21/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Ngọc Dũng**